TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 5- 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Ninh;
Bà Hà Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27/02/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/4/2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Hải Y, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm Tân Sơn 1, xã X, huyện Y, tỉnh T.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm Tân Sơn 1, xã X, huyện Y, tỉnh T.

Chị Y có mặt tại phiên toà, anh T vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của chị Bùi Thị Hải Y: Vợ chồng chị quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được cưới hỏi theo phong tục, ngày 05/02/2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị làm ăn, sinh sống tại xóm Tân Sơn 1, xã X, huyện Y, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không thống nhất được với nhau trong làm ăn kinh tế gia đình. Đến năm 2017 vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/8/2011; cháu Nguyễn Bùi Khánh H, sinh ngày 14/12/2016. Tại đơn khởi kiện chị đề nghị nuôi cháu H, anh T nuôi cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung cháu T, cháu H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo lời khai, lời trình bày trong phiên kiểm tra chứng cứ, phiên hoà giải anh Nguyễn Tiến T trình bày: Theo biên bản lấy lời khai anh yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung anh chị có 02 con chung cháu Nguyễn Đức T, sinh năm 2011 và Nguyễn Bùi Khánh H, sinh năm 2016 anh yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật về việc nuôi con; Về tài sản chung anh chị tự thoả thuận; Về nợ chung anh xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn.

Kết quả xác minh:

Trưởng thôn Tân Sơn 1, xã X – ông Nguyễn Huy S cho biết: Chị Bùi Thị Hải Y và anh Nguyễn Tiến T có hộ khẩu tại thôn Tân Sơn 1, xã X, huyện Y, tỉnh T, anh chị có đăng ký hết hôn năm 2010. Khoảng 02 năm về đây nghe nói anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau, hiện nay chị Y anh T sống ly thân, chị Y về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2017. Anh chị có 02 con chung một trai, một gái, hiện nay hai cháu đang ở cùng ông bà ngoại. Về tài sản chung, vay nợ chung không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Bùi Thị Hải Y ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Hải Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/8/2011; cháu Nguyễn Bùi Khánh H, sinh ngày 14/12/2016. Anh Nguyễn Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Chị Bùi Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Y, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1] Anh Nguyễn Tiến T cư trú tại Xóm Tân Sơn 1, xã X, huyện Y, tỉnh T. Chị Bùi Thị Hải Y có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2]. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng anh T vắng mặt, Toà án hoãn phiên toà tống đạt cho anh T nhưng anh T không nhận vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự toà án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Hôn nhân của chị Bùi Thị Hải Y và anh Nguyễn Tiến T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị Y, anh T theo chị Y là phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, khi chị biết chuyện chị đã khuyên bảo anh T nhưng anh T không nghe mà còn đánh chửi chị. Xét thấy từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng chị Y, anh T đoàn tụ, anh T tham gia hoà giải nhưng không ký biên bản tỏ thái độ không hợp tác và yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh T không viết bản tự khai. Chị Y, anh T đã sống ly thân từ năm 2017, cuộc sống chung đã không còn tồn tại. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Bùi Thị Hải Y ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

[4] Con chung: Chị Bùi Thị Hải Y và anh Nguyễn Tiến T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/8/2011; cháu Nguyễn Bùi Khánh H, sinh ngày 14/12/2016 chị Y đề nghị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/8/2011 và cháu Nguyễn Bùi Khánh H, sinh ngày 14/12/2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T không tham gia phiên toà không có ý kiến. Do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/8/2011 và cháu Nguyễn Bùi Khánh H, sinh ngày 14/12/2016 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung Chị Bùi Thị Hải Y và anh Nguyễn Tiến T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Hải Y phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp.

[7] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Bùi Thị Hải Y ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Bùi Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/8/2011; cháu Nguyễn Bùi Khánh H, sinh ngày 14/12/2016. Anh Nguyễn Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị Hải Y phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001435 ngày 27/2/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Y tỉnh T. Chị Y đã nộp đủ án phí.

3. Chị Bùi Thị Hải Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Tiến T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁCTHÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Văn Ninh – Hà Thị Vinh	**Trần Ngọc An**

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc An